

Bản án số: 13/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 31/8/2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đào Thúy Hà.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Hệ

2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên: Ông Lê Duy Tường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 31/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 33/2017/TLST - HNGĐ ngày 21/3/2017, về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 14/7/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2017/QĐST – HNGĐ ngày 02/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Ng H Tr, sinh năm 1962; Trú tại: số 8A/19 đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: bà V T Ng, sinh năm 1962; Trú tại: số 8A/19 đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Ng H Tr và bà V T Ng có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã H, nay là thành phố Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng ông Tr về chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ ông Tr tại số 8A/19 đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Năm 1997, vợ chồng ông Tr chuyển vào tỉnh Lâm Đồng để trồng nom, thu hoạch vườn cà phê của bố mẹ đẻ ông Tr. Đến năm 2001, bà Ng tự ý bỏ về Hưng Yên sinh sống, không nói rõ lý do, vợ chồng ông cũng ly thân từ đó đến nay. Ông Tr thừa nhận trong thời gian sinh sống tại tỉnh Lâm Đồng ông có lỗi với bà Ng vì có quan hệ tình cảm với người

phụ nữ khác, nhưng sau đó nhận thức được mình có lỗi nên ông đã chấm dứt. Năm 2008, với mục đích hàn gắn tình cảm gia đình ông Tr đã chuyển về thành phố Hưng Yên sinh sống với bà Ng nhưng không thành, do bà Ng có những lời nói, hành động hỗn láo với ông và cả mẹ chồng. Vợ chồng ông ở nhờ nhà mẹ đẻ ông nhưng có lần bà Ng còn thay ổ khóa cửa để ông và mẹ chồng không vào được nhà. Trong suốt thời gian chung sống với bà Ng, ông Tr luôn phải chịu đựng và chứng kiến hành vi ứng xử thiếu văn hóa của bà Ng đối với ông, gia đình ông và cả hàng xóm láng giềng. Chính vì vậy, năm 2010 ông Tr và mẹ đẻ ông Tr đã phải chuyển đến ở nhà nhà em gái ông cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng hàng xóm, láng giềng đều biết, chính quyền địa phương đến hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay vẫn không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người ấy lo, kể cả lúc ông Tr ốm đau bệnh tật, bà Ng cũng không quan tâm, hỏi thăm. Đến nay, ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Ng nên đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Ng để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là chị Ng T H, sinh năm 1990 và anh Ng Q D, sinh năm 1994. Hiện nay, các anh, chị đều đã trưởng thành, có công việc ổn định nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn V T Ng trình bày:** cũng giống như ông Tr về việc đăng ký kết hôn của bà và ông Tr. Sau khi kết hôn bà Ng và ông Tr về chung sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 07 năm thì vợ chồng chuyển vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn, trồng nom, thu hoạch vườn cà phê của bố mẹ chồng. Trong thời gian ở đó khoảng hơn 10 năm, bà và ông Tr vẫn chung sống hạnh phúc. Đến năm 2002, ông Tr có quan hệ bất chính với bà Ng H Tr, bà Ng không bắt được quả tang nhưng vẫn báo chính quyền địa phương xã Hòa Trung gọi các bên lên giải quyết và hòa giải. Sau sự việc đó bà Ng về Hưng Yên cùng 02 con tiếp tục chung sống cùng bố mẹ chồng, còn ông Tr đến khoảng hơn 01 năm sau thì bán hết vườn cà phê, tiêu tan hết tài sản nên lại về Hưng Yên sinh sống, vì nghĩ đến các con nên bà tiếp tục chung sống với ông Tr. Trong quá trình chung sống, ông Tr thường xuyên uống rượu, chè, thỉnh thoảng bực tức chửi bà những lúc đó bà lại bỏ đi chỗ khác. Hiện nay, bố chồng bà đã mất, mẹ chồng bà không ở cùng với vợ chồng bà, khoảng 03 năm nay mẹ chồng bà ở một mình ở gần Trường cấp 2 Minh Khai, địa chỉ cụ thể bà không biết. Giữa bà và mẹ chồng cũng có đôi lần xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt nhưng cũng không có gì lớn. Bà tự nhận thấy còn thiếu trách nhiệm với mẹ chồng, vì từ khi mẹ chồng bà chuyển đi đến nay, bà không đến

thăm nom, thỉnh thoảng chỉ bảo con đến thăm. Hơn nữa, cũng do cuộc sống lam lũ, vất vả, mãi mê kiếm tiền, nuôi con cái nên bà chưa làm đúng bổn phận của người con dâu. Đến khoảng tháng 02/2016, bà và ông Tr cãi nhau, lý do ông Tr ghen với bà vì bà bán hàng nước nên thường xuyên phải tươi cười với khách hàng nên ông Tr về chung sống cùng với mẹ chồng bà và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Thỉnh thoảng ông Tr về, bà bảo ông Tr về nhưng ông Tr không nói gì, vì bận bán hàng nên bà cũng không đi tìm ông Tr, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng bà có được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Đến nay, ông Tr có đơn xin ly hôn, bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông Tr, giữa bà và ông Tr tuy có mâu thuẫn nhưng không đáng kể nên không đồng ý ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chị Ng T H, sinh năm 1990 và anh Ng Q D, sinh năm 1994. Hiện nay, các anh, chị đều đã trưởng thành, có công việc ổn định.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ nần gì ai, không đề nghị giải quyết.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, để làm rõ mâu thuẫn của vợ chồng ông Tr, bà Ng, Tòa án nhân dân thành phố tiến hành xác minh, cụ thể như sau:

Bà V T H, là mẹ đẻ ông Ng H Tr cung cấp: Vợ chồng anh Tr, chị Ng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị Ng thường xuyên chửi chồng, con, không tôn trọng chồng, thường xuyên sử dụng những lời lẽ thiếu văn hóa, những câu nói mạt sát, lăng mạ chồng, cả 2 vợ chồng đều không quan tâm lẫn nhau. Đối với gia đình chồng, chị Ng cũng tỏ thái độ không tôn trọng, chửi cả bà và gia đình bà, có lần không biết lý do gì chị Ng còn thay ổ khóa khác không cho bà vào nhà. Vì không thể chịu đựng được cách đối xử của chị Ng nên bà và anh Tr đã phải chuyển đến nhà con gái bà ở tạm từ năm 2010 cho đến nay. Bản thân bà không thể chấp nhận được người con dâu như chị Ng, nhưng việc vợ chồng anh Tr và chị Ng có ly hôn hay không bà không can thiệp. Vợ chồng anh Trang, chị Ng có 02 con chung là cháu Ng T H, sinh năm 1990 và Ng Q D, sinh năm 1994, hiện nay đều đã trưởng thành và có việc làm ổn định. Về tài sản, nợ nần: vợ chồng anh Tr, chị Ng không có tài sản gì, không nợ nần gì bà.

Chính quyền khu phố B, phường M cung cấp: ông Tr và Ng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên đánh cãi, chửi nhau, bà Ng có những lời lẽ không tôn trọng chồng. Ngoài ra, mối quan hệ của bà Ng với mẹ chồng không tốt nên mẹ chồng bà Ng phải ra nhà con gái sinh sống, bà Ng cũng không đến thăm nom. Nhiều lần đại diện tổ khu phố đã đến gia đình ông Tr và bà Ng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ

chồng nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại đánh cãi, chửi nhau, gây mất trật tự khu phố.

Ông C V C, hàng xóm của ông Tr và bà Ng cho biết: Ông chứng kiến nhiều lần ông Tr, bà Ng đánh cãi, chửi nhau. Bà Ng có những lời lẽ, xúc phạm ông Tr thậm tệ, không coi ông Tr ra gì. Mặt khác, bà Ng còn có thái độ không tốt với mẹ chồng, có lúc khóa cửa không cho ông Tr và mẹ chồng vào nhà. Đối với hàng xóm bà Ng tỏ thái độ không tôn trọng, nếu ai có ý kiến góp ý thì chửi lại luôn mà không nghe, gây mất trật tự, mất đoàn kết trong khu vực dân cư địa phương.

* Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

* Tại phiên tòa ngày 02/8/2017:

Nguyên đơn Vũ Hùng Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà V T Ng. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là chị Ng T H, sinh năm 1990 và Ng Q D, sinh năm 1994, hiện nay đều đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản, nợ nần: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn V T Ng đề nghị Tòa án giải quyết phần nợ chung của vợ chồng với tổng các khoản nợ là 55.450.000 đồng. Để giải quyết vụ án một cách triệt để và để bị đơn thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên, đồng thời cần xác minh, thu thập, bổ sung các chứng cứ để giải quyết chính xác vụ án mà Ng tại phiên tòa không thể thực hiện được nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, sau khi nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu giải quyết phần nợ chung, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí với lý do phải chuẩn bị tiền để thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng đã đến kỳ trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở trên. Bị đơn V T Ng giữ nguyên yêu cầu và vẫn trình bày lý do không nộp tiền tạm ứng án phí như đã nêu ở trên.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại điều 225, từ điều 227 đến điều 229, điều 234, 239, điều 247 đến 258, điều 260 đến 262 BLTTDS; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 51, 239 BLTTDS; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71, 227 BLTTDS; Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72

BLTTDS. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51,56 luật HNGĐ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ông Ng H Tr được ly hôn bà V T Ng. Về tài sản chung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tại phiên tòa 02/8/2017, bị đơn V T Ng mới đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng, để giải quyết vụ án một cách triệt để, HĐXX đã tạm dừng phiên tòa để đương sự bổ sung, chứng cứ giải quyết vụ án mà Ngy tại phiên tòa không thể thực hiện được và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia nợ chung. Tuy nhiên, bị đơn V T Ng không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí nên đề nghị HĐXX không xem xét đối với yêu cầu chia nợ chung của bị đơn trong vụ án này, bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Về tố tụng: Ông Ng H Tr và bà V T Ng có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại UBND phường M, thị xã H, nay là thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, hôn nhân của ông Tr và bà Ng là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, do thấy không hạnh phúc nên ông Tr đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà Ng. Hiện nay, vợ chồng ông Tr và bà Ng đều có hộ khẩu tại số 8A/19 đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và sinh sống trên địa bàn thành phố Hưng Yên nên Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Quá trình vợ chồng ông Tr và bà Ng chung sống, có thời điểm ông Tr có lỗi với bà Ng vì đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác trong thời gian vợ chồng đi làm ở tỉnh Lâm Đồng vào năm 2002, nên bà Ng đã cùng 02 con về Hưng Yên sinh sống. Tuy nhiên, nhận thức được lỗi lầm nên ông Tr đã chấm dứt mối quan hệ đó để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Năm 2008, ông Tr quay về Hưng Yên sinh sống, nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên đánh cãi chửi nhau, tuy ở cùng nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng. Về phía bà Ng, có cách xử sự chưa khéo léo. Mặc dù trước đây ông Tr có lỗi vì đã không chung thủy với bà Ng, nhưng khi ông Tr thay đổi và nhận thức được việc làm không đúng của mình với bà Ng nên đã quay về với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng thì bà Ng lại tỏ ra không

tôn trọng ông Tr, thường có những lời nói, hành động không đúng mực với ông Tr và gia đình ông Tr nên càng làm mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Ông Tr và bà Ng ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa bà Ng với mẹ chồng và gia đình chồng không tốt nên mẹ chồng bà Ng phải chuyển ra ở nhờ nhà con gái từ năm 2010 đến nay, bà Ng cũng không quan tâm, thăm nom, chăm sóc, chưa làm đúng bổn phận của người con dâu trong gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Tr vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện. Bà Ng vẫn cương quyết không đồng ý ly hôn với lý do sợ ảnh hưởng đến anh Ng Q D là con thứ hai khi anh Dâu lập gia đình.

Căn cứ vào kết quả việc xác minh tình trạng hôn nhân của ông Tr và bà Ng tại chính quyền địa phương và hàng xóm láng giềng. Đồng thời căn cứ vào chính lời trình bày của ông Tr và bà Ng, HĐXX thấy: vợ chồng ông Tr và bà Ng sống không hạnh phúc, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Bản thân bà Ng không muốn ly hôn nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trong suốt thời gian dài vợ chồng sống ly thân, ông Tr về sống cùng mẹ đẻ nhưng bà Ng và cả ông Tr đều không gặp gỡ, trao đổi với nhau để vợ chồng có thể đoàn tụ. Ngoài ra, như trên đã nêu trong quá trình chung sống bà Ng không quan tâm và chưa làm đúng bổn phận của người con dâu trong gia đình ông Tr, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm xấu đi tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại phiên tòa, bà V T H, là mẹ chồng bà Ng trình bày, quá trình sống chung bà Ng thường chửi bà thậm tệ, bà không thể chấp nhận được người con dâu như bà Ng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Tr được ly hôn với bà Ng.

Từ những phân tích, lập luận nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Tr và bà Ng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ng H Tr theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Ông Tr và bà Ng có 02 con chung là chị Ng T H, sinh năm 1990 và anh Ng Q D, sinh năm 1994. Hiện nay đều đã trưởng thành, có công việc ổn định nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cả ông Tr và bà Ng đều không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản, cũng như nợ chung vợ chồng. Tại phiên tòa 02/8/2017, bà Ng mới đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết nợ chung của vợ chồng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho đương sự và nhằm giải quyết vụ án một cách triệt để, HĐXX đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để bà Ng bổ sung các tài liệu,

chứng cứ chứng minh cho yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng mà Ngý tại phiên tòa không thể thực hiện được và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng hết thời hạn quy định tại điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự bà Ng vẫn không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí với lý do phải dồn tiền để thanh toán khoản vay đến hạn với Ngân hàng. Do bà Ng không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên HĐXX không xem xét đối với yêu cầu chia nợ chung của bà Ng và ông Tr trong vụ án này. Bà Ng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Ng H Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân - gia đình. Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng H Tr, cho ông Ng H Tr được ly hôn với bà V T Ng.

2. Về con chung: Ông Ng H Tr và bà V T Ng có 02 con chung là chị Ng T H, sinh năm 1990 và anh Ng Q D, sinh năm 1994. Hiện nay đều đã trưởng thành, có công việc ổn định nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Ng H Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Đối chiếu với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số HY/2010/002759 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, ông Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận.

- VKSND thành phố Hưng Yên.
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên.
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên.
- UBND phường Minh Khai.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

T.M HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đào Thúy Hà